

CHƯƠNG 4

DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Mã chương 4: CKT407-04

Giới thiệu: Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập dự toán ngân sách, sắp xếp trình tự các bước công việc chuẩn bị cho việc lập dự toán ngân sách tại doanh nghiệp.

Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Trình bày khái niệm, ý nghĩa và phân loại dự toán, vai trò của công việc lập dự toán sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Mô tả được các loại định mức chi phí, phương pháp xây dựng định mức chi phí, các định mức chi phí trong doanh nghiệp
- + Giải thích được trách nhiệm và trình tự lập dự toán sản xuất kinh doanh.
- + Trình bày được dự toán sản xuất kinh doanh

- Kỹ năng:

- + Tính toán và lập dự toán tiêu thụ sản phẩm, dự toán sản xuất, dự toán chi phí, dự toán thu chi tiền mặt...

1. Tổng quan về dự toán

1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại dự toán

1.1.1 Khái niệm về dự toán.

Dự toán là sự ước tính về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai, chỉ rõ những công việc cần thực hiện, có tính đến sự tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan.

- Những nhân tố chủ quan là những nhân tố phát sinh bên ngoài doanh nghiệp, doanh nghiệp phải chịu sự tác động của các nhân tố này mà không điều chỉnh được như: quy luật cung cầu, sự biến động giá cả thị trường của các yếu tố đầu vào, các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước từ trung ương đến địa phương ...

- Những nhân tố khách quan là những nhân tố phát sinh trong nội tại doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể chủ động, kiểm soát những nhân tố này như: quy trình sản xuất, máy móc thiết bị, tay nghề bậc thợ của công nhân, trình độ quản lý, kỹ năng sử dụng lao động..

Dự toán phải là sự phối hợp chi tiết hoạt động của các bộ phận để hình thành nên kế hoạch chung toàn doanh nghiệp. Mặt khác, nó đảm bảo hoạt động của các bộ phận phải hài hòa trong hoạt động chung của toàn doanh nghiệp.

Thông qua dự toán sản xuất kinh doanh các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ thấy trước được nguồn lực cần sử dụng cho kỳ tới, cách thức huy động và sử dụng các nguồn lực đó (nguồn nhân lực, vật lực, điều kiện môi trường) sao cho đem lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

Dự toán sản xuất kinh doanh phải được gắn liền với điều kiện về thời gian cụ thể trong tương lai, nếu không dự toán sẽ mất ý nghĩa áp dụng vào thực tế. Vì trong mỗi thời kỳ khác nhau sự tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan tác động lên doanh nghiệp là khác nhau, nguồn lực sử dụng trong doanh nghiệp cũng thay đổi. Do đó, bản dự toán phải mang tính thời điểm xác định.

Dự toán sản xuất kinh doanh cụ thể hóa hoạt động của doanh nghiệp thành hệ thống chỉ tiêu dưới dạng số lượng và giá trị. Nếu chỉ theo dõi các chỉ tiêu về mặt lượng như: lượng thời gian lao động cần cho sản xuất, số lượng sản phẩm tiêu thụ, số lượng sản phẩm sản xuất... sẽ không giúp các nhà quản trị thấy được toàn bộ kế hoạch của doanh nghiệp một cách tổng thể. Do đó, dự toán đã cụ thể hóa các chỉ tiêu dưới dạng số lượng thành chỉ tiêu về giá trị.

Xây dựng dự toán là một công việc quan trọng trong việc lập kế hoạch đối với tất cả các hoạt động kinh tế. Điều này thật cần thiết cho doanh nghiệp đến cơ quan nhà nước, và ngay cả với các cá nhân. Chúng ta phải lập kế hoạch về ngân sách cho việc chi tiêu hàng ngày và đặc biệt là cho việc mua sắm các tài sản có giá trị lớn. Tất cả các doanh nghiệp phải lập kế hoạch tài chính để thực thi các hoạt động hàng ngày, cũng như các hoạt động trong tương lai dài hạn.

Dự toán là những tính toán, dự kiến, phối hợp một cách chi tiết, tỉ mỉ và toàn diện nguồn lực, cách thức huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện một khối lượng công việc nhất định trong một khoảng thời gian nhất định được biểu hiện bằng một hệ thống các chỉ tiêu về số lượng và giá trị.

Dự toán ngân sách là những dự kiến được tính toán một cách toàn diện và có sự phối hợp, chỉ rõ cách thức huy động các nguồn lực cho các hoạt động KD của DN.

Dự toán là một kế hoạch chi tiết nêu ra những khoản thu – chi của DN trong một thời kỳ nào đó ở tương lai, được biểu hiện dưới dạng số lượng và giá trị.

1.1.2. Ý nghĩa của dự toán sản xuất kinh doanh

Các doanh nghiệp dù hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận hay phi lợi nhuận thì việc lập dự toán sản xuất kinh doanh vẫn là công việc quan trọng hàng đầu. Dự toán giúp các nhà quản trị có được nhiều thời gian để hoạch định chiến lược kinh doanh trước khi hoạt động của doanh nghiệp bắt đầu. Khi các mục tiêu đã được xác lập các nhà quản trị sẽ đánh giá được kết quả thực hiện với kế hoạch đưa ra và kiểm soát được sự phát sinh nguồn lực trong doanh nghiệp. Do đó, dự toán có ý nghĩa quan trọng trong quản lý doanh nghiệp, được thể hiện qua những điểm sau:

- Xác định mục tiêu phát triển của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá việc thực hiện kế hoạch sau này. Bản dự toán đã cụ thể hóa kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp thành các con số cụ thể. Việc so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch đã đề ra, nhà quản trị dễ dàng thấy được bộ phận nào trong doanh nghiệp không hoàn thành chỉ tiêu đề ra, từ đó tìm hiểu nguyên nhân vì sao hoạt động của bộ phận không hiệu quả và có biện pháp hữu hiệu để khắc phục.

- Kết hợp hoạt động của toàn doanh nghiệp bàn các kế hoạch hoạt động của các bộ phận phối hợp nhịp nhàng đạt mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp. Các nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp thường có những quyền hạn, năng lực riêng khác nhau. Quá trình lập dự toán đã tăng cường sự hợp tác, tham gia, trao đổi công việc giữa các thành viên trong doanh nghiệp. Nhờ đó dự toán đảm bảo hoạt động của các bộ phận phù hợp với mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp.

- Dự toán giúp các nhà quản trị phát hiện những điểm mạnh điểm yếu, từ đó sẽ có những cơ sở phân tích, lường trước được những khó khăn trước khi chúng xảy ra để có những biện pháp đúng đắn khắc phục kịp thời.

- Dự toán là cơ sở xây dựng và đánh giá trách nhiệm quản lý của các cấp quản trị doanh nghiệp. Qua kết quả thực hiện so với dự toán sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận cũng như nhà quản lý bộ phận. Từ đó, sẽ có mức thưởng, phạt quy định dựa trên kết quả thực hiện dự toán của các bộ phận. Dự toán là bức tranh tổng thể về hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, thông qua dự toán các nhà quản trị sẽ có trách nhiệm hơn trong công tác quản lý của mình.

1.1.3. Phân loại dự toán

Tùy theo nhu cầu cung cấp thông tin của nhà quản lý cũng như mục đích phát triển của doanh nghiệp trong tương lai, khi xây dựng dự toán các nhà quản trị có thể lựa chọn các loại dự toán khác nhau. Có nhiều tiêu thức để phân loại dự toán, căn cứ vào mục đích cung cấp thông tin mà lựa chọn tiêu thức phân loại thích hợp.

Nếu căn cứ vào thời hạn áp dụng dự toán được chia thành:

+ Dự toán ngắn hạn: là dự toán chủ đạo được lập cho kỳ kế hoạch (một năm tài chính) và được chia thành từng quý hoặc từng tháng, tuần... Dự toán ngắn hạn là dự toán nguồn tài chính hoạt động hàng năm liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: tiêu thụ, sản xuất, mua hàng, thu, chi... Dự toán ngắn hạn là cơ sở đưa ra các quyết định tác nghiệp.

+ Dự toán dài hạn: là những dự toán liên quan đến nguồn tài chính cho việc mua sắm tài sản cố định, đất đai, nhà xưởng, tài sản dài hạn gắn với hoạt động của doanh nghiệp trong nhiều năm. Dự toán dài hạn đảm bảo khi thời hạn dự toán kết thúc doanh nghiệp sẽ có đủ nguồn vốn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu mua sắm tài sản dài hạn mới. Dự toán dài hạn chính là những kế hoạch dài hạn thể hiện các mục tiêu chiến lược, phát triển của doanh nghiệp.

- Nếu căn cứ vào nội dung kinh tế dự toán được chia thành:

- Dự toán tiêu thụ
- Dự toán sản xuất
- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- Dự toán chi phí sản xuất chung
- Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
- Dự toán hàng tồn kho
- Dự toán giá vốn hàng bán
- Dự toán tiền
- Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Dự toán bảng cân đối kế toán

- Nếu căn cứ vào mối quan hệ với mức độ hoạt động dự toán được chia thành:

+ Dự toán tĩnh: là dự toán được lập theo một mức độ hoạt động nhất định. Nhưng trong thực tế sự biến động của các yếu tố chủ quan và khách quan thường xuyên như: sự lên xuống của giá cả thị trường, sản lượng tiêu thụ biến động, thay đổi của các chính sách kinh tế... Do đó, dự toán tĩnh thường phù hợp với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh ổn định.

+ Dự toán linh hoạt: là những dự toán được lập với nhiều mức độ hoạt động khác nhau trong cùng một phạm vi hoạt động. Dự toán linh hoạt giúp các nhà quản trị thấy trước được sự biến động chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Dự toán linh hoạt có ý nghĩa trong việc đánh giá hiệu quả kiểm soát chi phí thực tế của doanh nghiệp và phù hợp với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo nhu cầu thị trường.

Hệ thống dự toán trong doanh nghiệp rất phong phú và đa dạng. Do đó, tùy thuộc vào mục đích cung cấp thông tin mà nhà quản trị sẽ vận dụng phù hợp.

1.2. Cơ sở khoa học xây dựng dự toán

Dự toán giúp các nhà quản trị thấy trước được sự biến động tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục những tồn đọng hoặc tận dụng, khai thác những mặt mạnh của doanh nghiệp. Do đó, dự toán có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để đảm bảo dự toán có tính khả thi cao khi xây dựng dự toán cần dựa vào những cơ sở khoa học sau:

- Căn cứ xây dựng dự toán dựa vào kết quả hoạt động của kỳ trước. Đây là cơ sở quan trọng giúp các nhà quản trị thấy được giới hạn hiện nay của doanh nghiệp.

- Dựa trên những điều kiện thực tế của doanh nghiệp như: quy mô hoạt động, nguồn lực lao động, chất lượng lao động.

- Các điều kiện dự kiến trong tương lai như: xu hướng biến động giá cả trên thị trường, các chính sách kinh tế sắp ban hành, kế hoạch phát triển kinh tế vùng và địa phương, kế hoạch phát triển dài hạn của doanh nghiệp...

- Căn cứ vào hệ thống định mức chi phí tiêu chuẩn. Đây là cơ sở quan trọng nhất khi xây dựng dự toán. Định mức chi phí phải được xây dựng một cách khoa học phù hợp với thực tế. Khi xây dựng định mức chi phí phải tính đến những biến động của thị trường như: giá cả, lạm phát, tình hình lao động của doanh nghiệp, máy móc thiết bị...

- Căn cứ vào trình độ chuyên môn của các chuyên gia xây dựng dự toán. Các ngành nghề khác nhau đòi hỏi các chuyên gia xây dựng dự toán phải có trình độ am hiểu về kinh tế, kỹ thuật, những nhân tố tác động riêng.

1.3. Mục đích của dự toán ngân sách

Mục đích của dự toán ngân sách là hoạch định và kiểm soát hoạt động kinh doanh. Thông qua hai chức năng này để đưa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt được mục tiêu lợi nhuận đã đề ra.

1.3.1. Hoạch định

Dự toán ngân sách sẽ dự tính những gì sẽ xảy ra trong tương lai và tính toán thành các chỉ tiêu cụ thể. Thông qua các chỉ tiêu kinh tế phản ánh được tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp, điều chỉnh các mặt hoạt động không tốt, giải quyết vấn đề trước khi chúng bế tắc. Quá trình dự toán ngân sách cũng liên kết tất cả các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu chung đã đề ra. Ví dụ như, lập dự toán ngân sách cho doanh nghiệp sản xuất, các phòng cung tiêu, phòng kỹ thuật, phòng tài chính phải làm việc với nhau nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đạt được mục tiêu lợi nhuận đã đề ra.

1.3.2. Phân bổ nguồn lực

Nguồn lực của doanh nghiệp là có giới hạn, dự toán ngân sách sẽ thực hiện phân bổ nguồn lực một cách tốt nhất cho các đối tượng sử dụng. Ưu tiên các các đối tượng sử dụng nguồn lực mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tất nhiên, sẽ có sự cạnh tranh giữa các bộ phận trong việc sử dụng các nguồn lực. Việc phân bổ nguồn lực cũng phải nằm trong chiến lược phát triển của toàn doanh nghiệp. Ví dụ như, nhà quản lý bộ phận marketing sẽ cạnh tranh nguồn lực với nhà quản lý kho. Tuy nhiên, do chiến lược phát triển sản phẩm mới đòi hỏi việc phân bổ nguồn lực lớn hơn cho bộ phận marketing. Quá trình dự toán ngân sách sẽ thực hiện phân bổ nguồn lực có giới hạn này và đánh giá việc thay đổi đối với việc phân bổ các nguồn lực đó.

1.3.3. Kiểm soát lợi nhuận và hoạt động kinh doanh

Dự toán ngân sách là căn cứ để kiểm soát tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Kiểm soát là quá trình so sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu dự toán và đánh giá việc thực hiện đó. Không có các chỉ tiêu dự toán thì không có cơ sở để so sánh và đánh giá kết quả thực hiện. Ví dụ như, doanh thu thực hiện so sánh với doanh thu dự toán hàng tuần để giúp nhà quản lý bộ phận bán hàng kiểm soát tổng doanh thu. Dự toán chi phí sẽ được so sánh với chi phí thực tế hàng tháng để chỉ ra khu vực cần có sự kiểm soát chi phí nhiều hơn.

So sánh kết quả thực hiện với dự toán giúp cho nhà quản lý đánh giá tình hình thực hiện của các bộ phận và toàn công ty. Khi dự toán được sử dụng để đánh giá việc thực hiện sẽ động viên mọi người thực hiện tốt hơn. Để đánh giá việc thực hiện, người ta lập báo cáo thực hiện, trình bày số liệu dự toán và kết quả thực hiện, cho phép so sánh để thấy được sự thay đổi giữa thực hiện so với dự toán. Nếu sự thay đổi lớn, vượt quá mức cho phép, nhà quản lý sẽ điều tra nguyên nhân của sự

thay đổi để có biện pháp chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

“Báo cáo thực hiện” sẽ thông tin cho nhà quản lý thấy được những mặt hoạt động không xảy ra theo kế hoạch. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc thực hiện không đúng kế hoạch là do dự toán không sát với thực tế. Trong trường hợp này, người ta sẽ điều chỉnh để lập kế hoạch kỳ sau tốt hơn.

Tóm lại, đánh giá kết quả thực hiện so với dự toán ngân sách được xem là kỹ thuật kiểm soát trong quản lý. Nhà quản lý phải biết dự toán những gì phải làm, mà còn phải biết đã hoàn thành các dự toán như thế nào. Nếu kết quả xảy ra không theo dự toán, nhà quản lý phải có biện pháp điều chỉnh để hoạt động ngày càng tốt hơn.

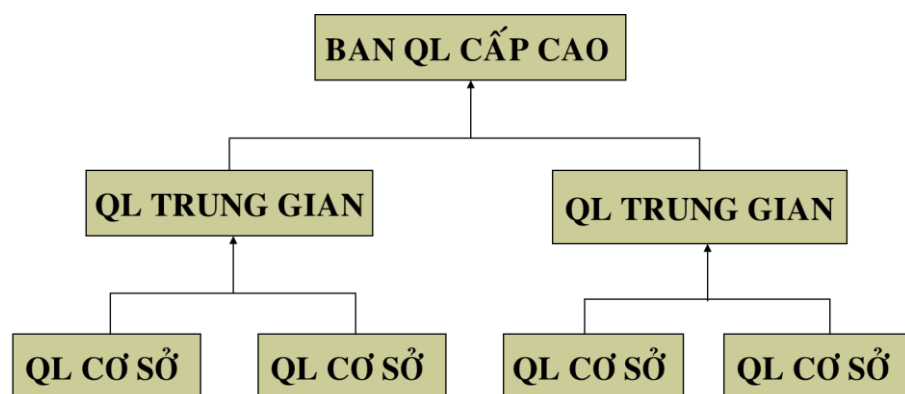
2. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán sản xuất kinh doanh

2.1. Trách nhiệm lập dự toán ngân sách

Mỗi cấp quản lý đều có trách nhiệm với những hoạt động thuộc phạm vi kiểm soát của mình. Nhà quản lý các cấp phải nắm được toàn bộ hoạt động của mình từ khi lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện, rút ra các kinh nghiệm cần thiết cho chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo tốt hơn. Do đó, trách nhiệm lập dự toán ngân sách ở cấp nào do quản lý cấp đó thực hiện.

Trình tự lập dự toán ngân sách thực hiện từ cấp có trách nhiệm thấp nhất đến cấp có trách nhiệm cao nhất. Dự toán ở cấp nào do chính người quản lý ở cấp đó thực hiện rồi trình ban quản lý cấp trên và phải được sự chấp thuận của cấp trên. Thực hiện theo trình tự từ dưới lên có những mặt thuận lợi như sau:

- Những người trực tiếp liên quan đến hoạt động nào thì lập dự toán cho hoạt động đó. Những nhà quản lý trực tiếp, hơn ai hết họ hiểu rõ hoạt động của mình. Các quan điểm và ý kiến của họ thường chính xác, đáng tin cậy hơn và có giá trị đối với ban quản lý cấp cao.



- Người ta thường có khả năng hoàn thành một bảng dự toán do chính họ lập ra hơn là một bảng dự toán áp đặt từ trên xuống. Nếu không hoàn thành dự toán do mình lập ra, họ chỉ trách chính mình không hoàn thành nhiệm vụ. Ngược lại, một dự toán áp đặt từ trên xuống, họ đổ lỗi cho dự toán không thực tế, không hợp lý hoặc không thể đáp ứng được.

- Tuy nhiên, để tránh sự chủ quan tùy tiện, các dự toán từ bên dưới phải được cấp quản lý cao hơn xem xét nghiên cứu trước khi chấp thuận.

Như vậy, tất cả các cấp đều cùng làm việc để lập dự toán ngân sách thống nhất cho toàn công ty. Ban quản lý cấp cao dựa vào các thông tin chi tiết từ bên dưới và dựa trên cái nhìn tổng thể toàn công ty để quyết định các chính sách lớn trong quá trình lập dự toán.

2.2. Dự toán ngân sách hàng năm

Dự toán hàng năm là hệ thống dự toán bao gồm tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Dự toán hàng năm bao gồm nhiều dự toán bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau được mô tả trong minh họa. Hệ thống dự toán ngân sách bao gồm dự toán hoạt động và dự toán tài chính.

Dự toán doanh thu và các dự toán chi phí thường được gọi là dự toán hoạt động. Dự toán tài chính bao gồm dự toán kết quả kinh doanh, dự toán tiền, bảng cân đối kế toán dự toán và dự toán vốn đầu tư.

Dự toán ngân sách được xây dựng cho một thời kỳ nhất định, thường là một năm. Dự toán ngân sách có thể được chuẩn bị cho từng quý, từng tháng. Ngoài ra, người ta còn lập dự toán liên tục, khi kết thúc một tháng hoặc quý, người ta cập nhật tháng, quý kế tiếp vào dự toán và xóa tháng hoặc quý đã hoàn thành. Ví dụ như, doanh nghiệp lập dự toán năm có chia ra 12 tháng, khi kết thúc tháng 1 doanh nghiệp sẽ tiếp tục cập nhật dự toán tháng 1 năm sau vào dự toán năm, sao cho dự toán năm luôn thể hiện 12 tháng sắp tới.

Mức độ chi tiết trong việc lập dự toán hàng năm sẽ khác nhau giữa các doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp lớn, xây dựng dự toán hàng năm rất chi tiết và chia ra thành từng quý, từng tháng. Trong các doanh nghiệp nhỏ, quá trình dự toán thường ít hình thức và chi tiết hơn.

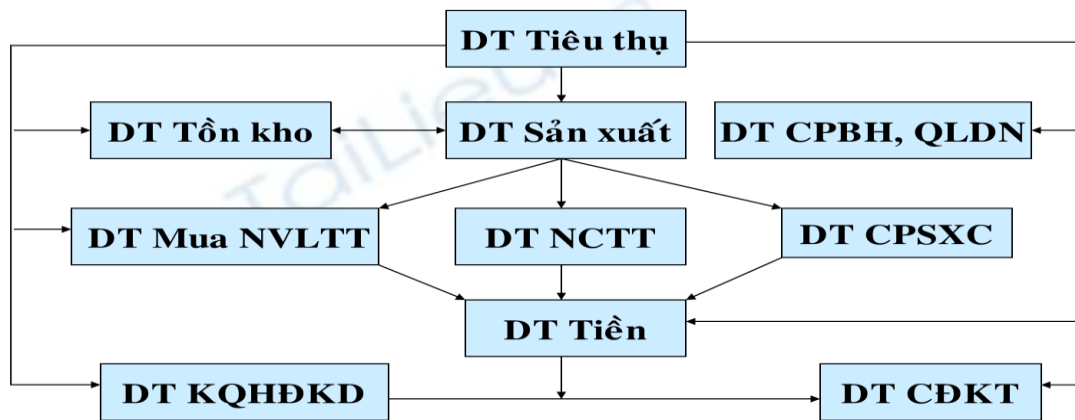
2.3. Mối quan hệ giữa các dự toán bộ phận

Dự toán ngân sách của một công ty thường bao gồm các dự toán sau:

- Dự toán tiêu thụ sản phẩm
- Dự toán sản xuất

- Dự toán CP NVL trực tiếp
- Dự toán CP NC trực tiếp
- Dự toán CP SXC
- Dự toán tồn kho thành phẩm cuối kỳ
- Dự toán chi phí BH và QLDN
- Dự toán tiền
- Dự toán kết quả HĐKD
- Bảng cân đối kế toán dự toán

Mối quan hệ giữa các DT bộ phận.



a. **Dự toán hoạt động:** bao gồm dự toán doanh thu và các dự toán chi phí.

+ **Dự toán doanh thu:**

Dự toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là quan trọng nhất, là điểm bắt đầu của quá trình lập dự toán ngân sách, nó chi phối toàn bộ các dự toán khác. Để lập dự toán doanh thu, Người ta phải dự báo số lượng sản phẩm bán ra. Nhiều yếu tố chính phải được xem xét khi dự báo số lượng sản phẩm tiêu thụ gồm các yếu tố bên trong như: khối lượng sản phẩm tiêu thụ của kỳ trước và xu hướng phát triển của công ty, các đơn đặt hàng chưa thực hiện, kế hoạch sản xuất sản phẩm mới, định hướng chính sách giá cả của doanh nghiệp, kế hoạch và quảng cáo, khuyến mãi. Ngoài ra, số lượng sản phẩm bán ra của doanh nghiệp còn chịu tác động bởi các yếu tố kinh tế xã hội bên ngoài doanh nghiệp như: xu hướng chung của nền kinh tế (sự tăng trưởng nền kinh tế, lạm phát hoặc sự suy thoái của nền kinh tế), thu nhập bình quân đầu người, công ăn việc làm, hoặc những thay đổi về pháp lý và chính trị (chính sách thuế đánh vào sản phẩm của doanh nghiệp, chính sách xuất

nhập khẩu của nhà nước, ảnh hưởng chính trị đến các đối tác nước ngoài) và những hoạt động tương lai của các đối thủ cạnh tranh và khách hàng...

- Người lập dự toán sẽ dự báo số lượng sản phẩm tiêu thụ trong mỗi liên hệ của tất cả các nhân tố trên. Đánh giá đúng đắn các nhân tố làm cho dự toán vừa mang tính tiên tiến vừa mang tính hiện thực, phù hợp với khả năng thực hiện của mình. Sau khi dự báo số lượng sản phẩm tiêu thụ sẽ tính toán toàn bộ ra giá trị bằng cách nhân với đơn giá sản phẩm.

- Dự toán chi phí:

Tiếp theo dự toán doanh thu, doanh nghiệp sẽ phát triển hàng loạt dự toán chi phí. Dự toán chi tiết các chi phí cần thiết để phục vụ cho việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tùy theo tính chất của doanh nghiệp, sản xuất, thương mại hay dịch vụ, dự toán các chi phí sẽ khác nhau giữa các loại hình doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất: Căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ, doanh nghiệp sản xuất sẽ xác định số lượng sản phẩm sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và có tính toán cân đối với hàng tồn kho. Trên cơ sở dự toán sản xuất, dự toán chi phí sản xuất sẽ được lập bao gồm: dự toán chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sản xuất chung. Căn cứ vào doanh thu bán hàng, doanh nghiệp sẽ xây dựng dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Các chi phí này phát sinh ngoài quá trình sản xuất nên được phân loại thành chi phí ngoài sản xuất, bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, chi phí trong quá trình quản lý và các chi phí có tính chất chung trong toàn doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp thương mại: Tương tự như doanh nghiệp sản xuất thay vì lập dự toán sản xuất, doanh nghiệp thương mại lập dự toán mua hàng để xác định số lượng hàng hóa cần mua phục vụ cho bán ra. Doanh nghiệp thương mại không có sản xuất nên không lập dự toán chi phí sản xuất. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được lập tương tự như doanh nghiệp sản xuất.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ: Doanh nghiệp dịch vụ phát triển các dự toán chi phí tương tự như doanh nghiệp sản xuất.

b. Dự toán tài chính:

Sau khi các dự toán hoạt động được lập, dự toán tài chính sẽ được chuẩn bị bao gồm: dự toán tiền, dự toán kết quả kinh doanh và bảng cân đối kế toán dự toán.

Dự toán tiền: tất cả các doanh nghiệp đều phải chuẩn bị dự toán tiền, chi tiết các khoản thu và chi bằng tiền của doanh nghiệp. Các khoản thu bằng tiền chủ yếu

thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Các khoản chi bằng tiền sẽ liên quan đến các khoản mua nguyên liệu vật liệu, chi trả lương và các khoản chi khác cho quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Dự toán chi còn bao gồm cả chi mua tài sản như nhà xưởng, thiết bị.

Bằng việc xem xét thời điểm thu vào và chi ra, dự toán tiền sẽ cho thấy khi nào doanh nghiệp thiếu tiền trong năm và cần nguồn tài trợ, khi nào doanh nghiệp thừa tiền để sẵn sàng cho việc đầu tư hoặc trả nợ.

Để xác định thời điểm thừa tiền, dự toán tiền có thể được chi tiết hàng tháng, hàng tuần. Nếu không xác định đúng thời điểm thiếu tiền để kịp thời tìm nguồn tài trợ, có thể sẽ làm đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh: Dự toán này trình bày doanh thu và chi phí của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, là tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bảng cân đối kế toán dự toán: Dự toán này trình bày tổng quát tình hình tài chính của doanh nghiệp sau thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nhất định. Đó là, tình hình tài sản và nguồn vốn vào cuối kỳ dự toán, qua đó giúp chúng ta thấy được khái quát tình hình sử dụng tài sản, tình hình huy động các nguồn vốn như thế nào. Bảng cân đối kế toán dự toán cùng với dự toán kết quả hoạt động kinh doanh và dự toán tiền trình bày kết quả tài chính các hoạt động tương lai của thời kỳ dự toán nên được gọi là dự toán tài chính.

3. Định mức chi phí

3.1. Khái niệm

Định mức chi phí là những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh một đơn vị sản phẩm, dịch vụ ở điều kiện nhất định. Định mức chi phí được hiểu là chi phí đơn vị ước tính được sử dụng làm tiêu chuẩn cho việc thực hiện của các yếu tố chi phí.

Ví dụ: Định mức chi phí nhân công trực tiếp là 30.000đ nghĩa là chi phí nhân công trực tiếp để sản xuất một sản phẩm là 30.000đ. Định mức chi phí là căn cứ để xây dựng dự toán sản xuất kinh doanh.

Định mức chi phí và dự toán cùng giống nhau là ước tính hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Nếu định mức chi phí được xây dựng để xác định chi phí tiêu hao cho sản xuất một sản phẩm, thì dự toán được xây dựng trên tổng sản lượng sản phẩm của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp. Do đó, định mức và dự toán có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, định mức chi phí là cơ sở để xây dựng dự toán. Nếu định mức chi phí không được xây dựng chính xác thì dự toán của doanh

nghiệp cũng không có tính khả thi. Dự toán là cơ sở để đánh giá, kiểm tra và xem xét định mức đã được xây dựng hợp lý hay chưa, từ đó có những biện pháp hoàn thiện định mức trong tương lai.

Định mức chi phí có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý, giúp các nhà quản trị ước tính trước sự biến động chi phí trong tương lai, chủ động trong việc định hướng phát triển, sử dụng điều kiện sản xuất một cách tối ưu. Căn cứ vào định mức chi phí các bộ phận thực hiện tốt được việc kiểm soát và tiết kiệm chi phí.

Thông qua việc xây dựng hệ thống định mức chi phí giúp cho công tác kế toán chi phí được thuận lợi. Việc đánh giá chi phí thực tế phát sinh có cơ sở khoa học chắc chắn.

3.2. Các loại định mức chi phí

Nếu căn cứ vào khả năng áp dụng, định mức chi phí được chia thành hai loại: định mức lý tưởng (perfection standards) và định mức thực tế (practical standards).

- Định mức chi phí lý tưởng: là định mức chi phí được xây dựng dựa trên điều kiện hoàn hảo nhất của doanh nghiệp. Giả định máy móc không hỏng hóc luôn đạt công suất tối đa, công nhân không ốm đau tay nghề cao trong suốt thời gian lao động, không thiếu hụt nguyên vật liệu, giá của các yếu tố đầu vào thấp nhất...

Khi áp dụng định mức chi phí lý tưởng vào thực tế sẽ thúc đẩy bộ phận cơ sở thực hiện cố gắng hoạt động có hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Nhưng cũng có một nhược điểm lớn, tâm lý người thực hiện không được ổn định do phải đảm bảo chi phí thấp nhất nên họ sẵn sàng bỏ qua chất lượng nguyên vật liệu, tay nghề công nhân... tỷ lệ sản phẩm hỏng sẽ cao hơn. Do đó, định mức chi phí lý tưởng không có khả năng áp dụng vào thực tế, nhưng được xây dựng làm căn cứ xây dựng định mức chi phí thực tế.

- Định mức chi phí thực tế: là định mức được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế của doanh nghiệp, có tính đến những gián đoạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: điều kiện làm việc, chất lượng vật tư, lao động...

Định mức chi phí thực tế cho phép người lao động với tay nghề cùng với ý thức trách nhiệm, nỗ lực bản thân có thể thực hiện được. Khi áp dụng định mức chi phí thực tế vào doanh nghiệp sẽ khuyến khích nhân viên có thái độ lao động tích cực, năng suất lao động cao hơn so với định mức chi phí lý tưởng.

Định mức chi phí thực tế là cơ sở để xây dựng dự toán sản xuất kinh doanh, là căn cứ để đánh giá tình hình thực tế phát sinh chi phí.

3.3. Phương pháp xây dựng định mức chi phí

Để xây dựng định mức chi phí một cách khoa học và có khả năng áp dụng vào thực tế đòi hỏi người xây dựng định mức phải có kiến thức chuyên ngành và kinh nghiệm thực tế. Khi xây dựng có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp phân tích kinh tế - kỹ thuật: Định mức chi phí được xây dựng dựa trên hoạt động thực tế của doanh nghiệp: về nguồn lực lao động, quy trình công nghệ sản xuất, trình độ quản lý, giá cả thị trường của các yếu tố đầu vào, đầu ra ... Các chuyên gia xây dựng định mức sẽ phân tích thiết kế kỹ thuật của sản phẩm, kết hợp với nguồn lực của doanh nghiệp để xây dựng định mức chi phí. Sau đó, sẽ áp dụng thử nghiệm tại doanh nghiệp một thời gian để phân tích, đánh giá và điều chỉnh định mức chi phí cho chính xác.

- Phương pháp thống kê kinh nghiệm: Định mức chi phí được xây dựng dựa trên số liệu thống kê về tình hình sản xuất kinh doanh nhiều kỳ của doanh nghiệp. Căn cứ vào sự hao phí các yếu tố đầu vào như: lượng nguyên vật liệu để sản xuất một sản phẩm, lượng thời gian lao động cần thiết để sản xuất một sản phẩm ... cũng như sự biến động giá cả thị trường trong một số chu kỳ sản xuất kinh doanh để xây dựng định mức chi phí cho doanh nghiệp.

Trong thực tế, các doanh nghiệp có thể áp dụng đồng thời cả hai phương pháp trên để xây dựng định mức chi phí. Nhưng dù theo phương pháp nào các chuyên gia xây dựng định mức cũng phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- + Căn cứ vào thực tế tiêu hao chi phí của kỳ trước. Phải tiến hành phân tích các nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến thực tế tiêu hao chi phí.

- + Căn cứ vào điều kiện hiện tại như đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, bậc thợ, tay nghề của công nhân... Kết hợp với những điều kiện dự kiến cho tương lai để xây dựng định mức chi phí thích hợp có khả năng áp dụng vào môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

3.4. Các định mức chi phí trong doanh nghiệp

3.4.1. Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là sự tiêu hao của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để sản xuất một sản phẩm, được xây dựng thông qua định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp và định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp.

- Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh lượng nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao để sản xuất một sản phẩm. Để xây dựng định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cần nắm vững yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm. Số lượng nguyên vật

liệu chính, vật liệu phụ... cho nhu cầu sản xuất cơ bản. lượng nguyên vật liệu hao hụt trong quá trình sản xuất cho phép, lượng nguyên vật liệu dành cho sản phẩm hỏng cho phép..., kết hợp với trình độ tay nghề của công nhân.

Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp thường được xây dựng với từng loại sản phẩm riêng biệt.

Ví dụ: Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp để sản xuất sản phẩm Y của công ty Cát Tường được xây dựng như sau:

Lượng nguyên vật liệu X cơ bản để sản xuất một sản phẩm: 2,3kg

Lượng nguyên vật liệu hao hụt trong sản xuất cho phép: 0,1 kg

Lượng nguyên vật liệu dành cho sản phẩm hỏng cho phép: 0,1 kg

=> Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp = 2,3 + 0,1 + 0,1 = 2,5kg

- Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp: là giá nhập kho tính trên một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp. Được xây dựng căn cứ vào giá mua trên hóa đơn, chi phí thu mua, hao hụt trong quá trình thu mua cho phép, các khoản chiết khấu...

Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp do bộ phận thu mua xây dựng thường dựa trên các hợp đồng thu mua đã ký kết hợp với chất lượng nguyên vật liệu, các khoản chi phí phát sinh liên quan, tình hình biến động giá... và quá trình thương lượng giá với nhà cung cấp. Trong trường hợp cung một loại vật liệu được thu mua từ nhiều nhà cung cấp với các mức giá khác nhau thì phải xác định giá giá bình quân.

Ví dụ: Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp của công ty Cát Tường được xây dựng như sau:

Giá mua một kg nguyên vật liệu X: 5.000đ

Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, nhập kho: 800đ

Hao hụt trong thu mua 600đ

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua: 400đ

=> Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp = 5.000 + 800 + 600 - 400 = 6.000đ

Sau khi xác định được định mức lượng và định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp ta xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thông qua công thức sau:

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp = Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp x Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp

Ví dụ: Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công ty Cát Tường sẽ là:

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp = $2,5\text{kg} \times 6.000\text{đ} = 15.000\text{đ}$

3.4.2. Định mức chi phí nhân công trực tiếp

Định mức chi phí nhân công trực tiếp là chi phí nhân công trực tiếp để sản xuất một sản phẩm. Cũng giống như định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí nhân công trực tiếp được xây dựng căn cứ vào định mức lượng thời gian lao động và định mức giá thời gian lao động.

- Định mức lượng thời gian lao động là lượng thời gian cần thiết để tiến hành sản xuất một sản phẩm. Để xác định lượng thời gian sản xuất một sản phẩm thường dựa vào một trong hai phương pháp sau:

- Đem chia sản phẩm hoặc công việc thành những thao tác kỹ thuật riêng. Căn cứ vào bảng thời gian lao động để xác định thời gian với từng thao tác, rồi tổng hợp lại để ra thời gian hoàn chỉnh cần thiết để sản xuất một sản phẩm (công việc).

- Xác định thời gian sản xuất một sản phẩm bằng cách bấm giờ. Một công nhân với tay nghề, bậc thợ trung bình tiến hành sản xuất một sản phẩm dưới sự theo dõi của giám sát. Người thực hiện hoạt động giám sát sẽ bấm giờ đồng hồ từ khi bắt đầu sản xuất sản phẩm đến khi kết thúc sản phẩm. Nhưng dù theo phương pháp nào thì khi xây dựng định mức lượng thời gian lao động cũng phải tính đến thời gian nghỉ ngơi hợp lý của người lao động, thời gian máy nghỉ, lau chùi máy ...

Ví dụ: Định mức lượng thời gian lao động để sản xuất sản phẩm Y của Công ty Cát Tường được xây dựng như sau:

Lượng thời gian cơ bản để sản xuất một sản phẩm Y là: 2,6 h

Thời gian máy nghỉ: 0,1 h

Thời gian nghỉ ăn ca, nghỉ giữa giờ: 0,2h

Thời gian dành cho sản phẩm hỏng cho phép: 0,1 h

=> Định mức lượng thời gian lao động = $2,6 + 0,1 + 0,2 + 0,1 = 3,0\text{ h}$

- Định mức giá thời gian lao động: là chi phí nhân công trực tiếp cho một đơn vị thời gian của doanh nghiệp (giờ, ngày)

Khi xây dựng định mức giá thời gian lao động phải căn cứ vào bảng lương, các hợp đồng lao động đã ký, trình độ tay nghề, bậc thợ của công nhân. Định mức giá thời gian lao động ngoài lương cơ bản còn phải tính các khoản phụ cấp lương, các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định.

Ví dụ: Định mức giá cho một giờ lao động của Công ty Cát Tường được xây dựng như sau:

Lương cơ bản cho 1 h: 10.000 đ

Các khoản trích theo lương (22%) 2.200 đ

Phụ cấp lương được hưởng (28% lương cơ bản) 2.800 đ

=> Định mức giá thời gian lao động = 10.000 + 2.200 + 2.800 = 15.000 đ

Sau khi xây dựng xong định mức lượng thời gian lao động và định mức giá thời gian lao động, ta tiến hành xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp qua công thức sau:

Định mức chi phí nhân công trực tiếp = Định mức lượng thời gian lao động x Định mức giá thời gian lao động

Ví dụ: Định mức chi phí nhân công trực tiếp của Công ty Cát Tường được xác định như sau:

Định mức chi phí nhân công trực tiếp = 3 h X 15.000 đ = 45.000 đ

3.4.3. Định mức chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là chi phí hỗn hợp bao gồm nhiều yếu tố mang tính chất biến đổi và cố định. Khi xây dựng chi phí sản xuất chung theo mức độ hoạt động thường chia thành định mức biến phí sản xuất chung và định mức định phí sản xuất chung.

- Định mức biến phí sản xuất chung là biến phí sản xuất chung để sản xuất một sản phẩm.

- Nếu biến phí sản xuất chung liên quan trực tiếp đến từng loại sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhân công gián tiếp...) thì xây dựng định mức biến phí sản xuất chung tương tự như định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và định mức chi phí nhân công trực tiếp.
- Nếu biến phí sản xuất chung liên quan đến nhiều loại sản phẩm thì khi xây dựng phải căn cứ trên định mức chi phí trực tiếp và tỷ lệ biến phí sản xuất chung so với chi phí trực tiếp.

Định mức biến phí sản xuất chung = Định mức chi phí trực tiếp x Tỷ lệ biến phí sản xuất chung so với chi phí trực tiếp

- Nếu doanh nghiệp xác định được tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung một cách chính xác, khi xây dựng định mức biến phí sản xuất chung phải xác định đơn giá biến phí sản xuất chung phân bổ.

Hệ số phân bổ biến phí sản xuất chung = Tổng biến phí sản xuất chung ước tính/ Tổng tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung.

Ví dụ: Phần biến phí trong đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ của công ty Cát Tường là 3.000đ. Chi phí sản xuất chung của công ty được phân bổ theo số giờ làm việc của lao động trực tiếp.

$$\text{Định mức biến phí sản xuất chung} = 3h \times 3.000 \text{ đ} = 9.000 \text{ đ}$$

- Định mức định phí sản xuất chung: là định phí sản xuất chung để sản xuất một sản phẩm. Định mức định phí sản xuất chung thường không thay đổi trong phạm vi phù hợp của quy mô hoạt động như: lương quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định phân xưởng, chi phí thuê nhà xưởng... Do đó, phải xác định giới hạn hoạt động của doanh nghiệp (tổng mức độ hoạt động, tổng tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung) và đơn giá định phí sản xuất chung phân bổ.

Hệ số phân bổ định phí sản xuất chung = Tổng định phí sản xuất chung ước tính/ Tổng tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung

Định mức định phí sản xuất chung = Mức độ hoạt động bình quân 1 sản phẩm / Hệ số phân bổ định phí sản xuất chung

Ví dụ: vẫn công ty Cát Tường với phần định phí trong đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ là 7.000đ, sẽ xác định định mức định phí sản xuất chung như sau:

$$\text{Định mức định phí sản xuất chung} = 3h \times 7.000\text{đ} = 21.000\text{đ}$$

Ví dụ: Định mức chi phí sản xuất chung của Công ty Cát Tường được xây dựng như sau:

$$\text{Định mức chi phí sản xuất chung} = 9.000 \text{ đ} + 21.000 \text{ đ} = 30.000 \text{ đ}$$

Sau khi xây dựng xong định mức chi phí cho từng yếu tố sản xuất các nhà quản trị sẽ tiến hành tổng hợp để ra định mức chi phí sản xuất.

3.4.4. Định mức chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng bao gồm nhiều khoản chi mang tính chất biến đổi và cố định. Nên khi xây dựng dự toán cũng được xây dựng tương tự như chi phí sản xuất chung. Xây dựng dự toán biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, định mức định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Cuối cùng tổng hợp lại để có được định mức chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Với những doanh nghiệp lớn sẽ xây dựng định mức chi phí bán hàng riêng và chi phí quản lý doanh nghiệp riêng cũng tương tự như dự toán chi phí sản xuất chung.

Tuy nhiên mức độ hoạt động lựa chọn làm căn cứ phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thường liên quan đến hoạt động tiêu thụ như: số lượng sản phẩm tiêu thụ, quy mô bán hàng...

4. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

4.1. Dự toán tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ là khâu cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh tuy nhiên khi lập dự toán thì đây là là khởi nguồn của cả hệ thống.

□ Dự toán tiêu thụ phải giải quyết được những mục tiêu cơ bản như: ước tính sản lượng tiêu thụ kế hoạch trong kỳ dự toán, ước tính giá bán kế hoạch từ đó xác định doanh thu kế hoạch và cuối cùng là ước tính lượng tiền có thể thu được từ doanh thu phát sinh.

□ Để lập được dự toán tiêu thụ người làm dự toán cần tham khảo hàng loạt những thông tin cơ sở về:

- Tình hình tiêu thụ các kỳ trước và chính sách giá của doanh nghiệp;
- Nhu cầu thị trường và giá bán của đối thủ cạnh tranh;
- Phương thức bán hàng và thời hạn thanh toán...

Ví dụ tình huống: Công ty T³ là hoạt động trong lĩnh vực may gia công áo sơ mi nam. Trong năm tới doanh nghiệp dự kiến tiêu thụ 9.000 sản phẩm với sản lượng tiêu thụ các quý lần lượt là:

Quý 1: 1.500 sản phẩm

Quý 2: 2.500 sản phẩm

Quý 3: 3.000 sản phẩm

Quý 4: 2.000 sản phẩm

Doanh nghiệp cho phép khách hàng được trả chậm 40% doanh thu sau một quý. Hiện tại nợ phải thu còn tồn đọng là 100 triệu đồng.

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm N
Sản lượng tiêu thụ (SP)	1.500	2.500	3.000	2.000	9.000
Giá bán đơn vị (1000 đ)	180	180	180	180	180
Doanh thu	270.000	450.000	540.000	360.000	1.620.000

Thu nợ kỳ trước	100.000				100.000
Thu nợ Quý 1	162.000	108.000			270.000
Thu nợ Quý 2		270.000	180.000		450.000
Thu nợ Quý 3			324.000	216.000	540.000
Thu nợ Quý 4				216.000	216.000
Tổng thu trong kỳ	262.000	378.000	504.000	432.000	1.576.000

4.2. Dự toán sản xuất

- Dự toán sản lượng sản xuất là dự toán được lập căn cứ trên khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp với mục tiêu:

- + Đảm bảo đủ lượng sản phẩm cho nhu cầu tiêu thụ;
- + Duy trì thành phẩm tồn kho ở mức an toàn hợp lý.

Sản lượng sản xuất = Sản lượng tiêu thụ + tồn cuối kỳ – tồn đầu kỳ

- Để xây dựng được dự toán sản xuất người lập dự toán cần tham khảo thông tin từ dự toán tiêu thụ kết hợp với những biến động về môi trường sản xuất, năng lực sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ dự toán.

Ví dụ tình huống:

- Giả sử công ty T³ tồn kho 200 sản phẩm đầu năm dự toán và đây cũng là mức dự trữ công ty mong muốn khi kết thúc năm.
- Tỷ lệ dự trữ thành phẩm thường được công ty duy trì ở mức 10% nhu cầu tiêu thụ của trong quý.
- Giá thành của sản phẩm tồn kho đầu năm là 105.000 đồng/chiếc.

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm N
1.Sản lượng tiêu thụ (SP)	1.500	2.500	3.000	2.000	9.000
2.Tồn cuối kỳ	150	250	300	200	200
3.Tổng nhu cầu (SP)	1.650	2.750	3.300	2.200	9.200
4.Tồn đầu kỳ	200	150	250	300	200
5. Sản lượng sản xuất (SP)	1.450	2.600	3.050	1.900	9.000

4.2.1. Dự toán chi phí nguyên vật liệu

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu được lập dựa trên dự toán về khối lượng sản xuất và phải đáp ứng được những mục tiêu cơ bản sau:

- + Xác định được lượng vật liệu cần thiết cho nhu cầu sản xuất;
- + Đảm bảo vật liệu tồn kho ở mức an toàn và hợp lý;
- + Thiết kế lịch trả tiền phù hợp để cân đối luồng tiền trong doanh nghiệp.

- Cơ sở quan trọng nhất để lập dự toán chi phí nguyên vật liệu đó là định mức chi phí nguyên vật liệu tiêu hao cho một sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu = Sản lượng SX * Định mức tiêu hao NVL * Giá NVL

Ví dụ tình huống: Giả sử công ty T³ có định mức nguyên vật liệu tiêu hao cho một sản phẩm là 1,8 m² vải và đơn giá 1 m² vải Kate có giá 25.000 đồng.

- ☐ Hiện tại công ty đang tồn kho 342 m² vải và tỷ lệ dự trữ vật liệu cũng là 10% so với nhu cầu sản xuất trong từng quý.
- ☐ Công ty nhập từ một nhà cung cấp vải lớn nên có thể thanh toán chậm 60% tiền hàng sau một quý.
- ☐ Nợ phải trả đầu năm 20 triệu đồng.

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm N
1.Sản lượng sản xuất (SP)	1.450	2.600	3.050	1.900	9.000
2.Định mức tiêu hao NVL	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8
3.Lượng NVL cho SX	2.610	4.680	5.490	3.420	16.200
4.Tồn NVL cuối kỳ	261	468	549	342	342
5.Tổng nhu cầu NVL	2.871	5.148	6.039	3.762	16.542
6. Tồn NVL đầu kỳ	342	261	468	549	342
7.Lượng NVL cần mua	2.529	4.887	5.571	3.213	16.200
Giá mua	25	25	25	25	25
Tổng giá trị NVL cần mua	63.225	122.175	139.275	80.325	405.000
Thanh toán nợ phải trả	20.000				20.000
Thanh toán Quý 1	25.290	37.935			63.225
Thanh toán Quý 2		48.870	73.305		122.175